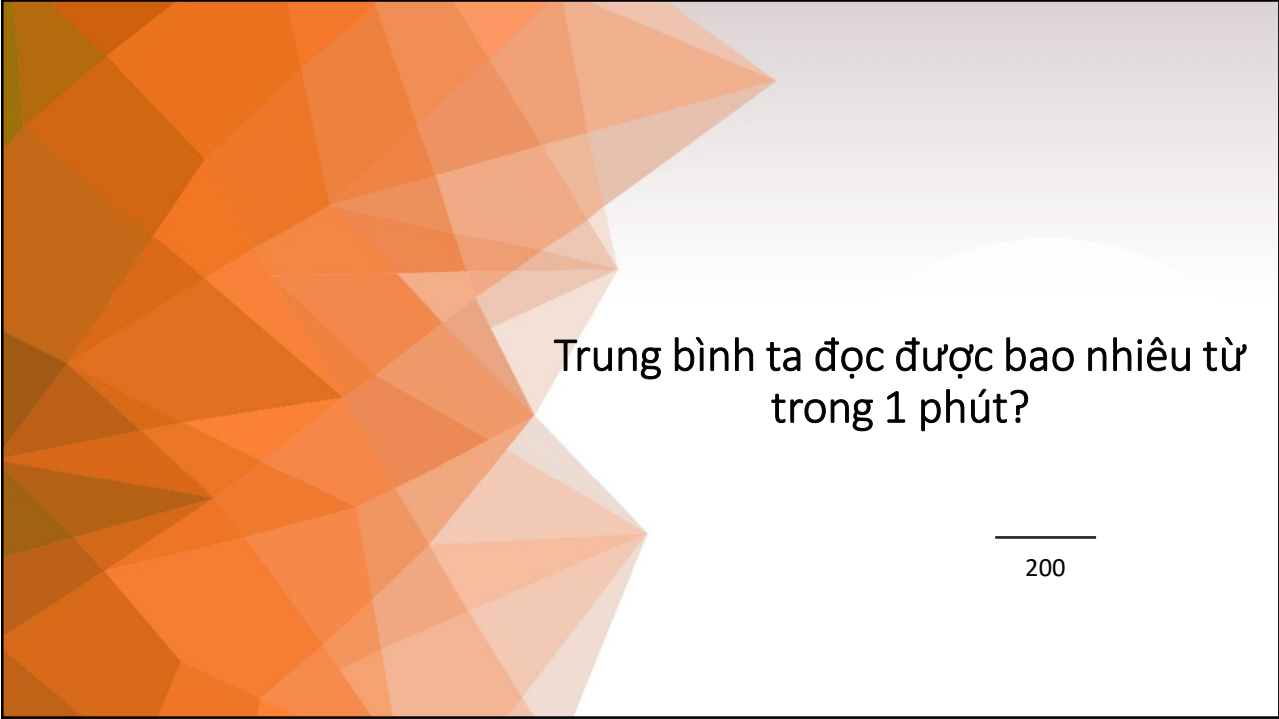


Bài tập (20%)

- Cá nhân và phân ngẫu nhiên theo danh sách
- Thực hiện và in (màu, nếu cần)
- Cần có đề bài (photo mặt sau của bài làm)
- Thu theo nhóm bài tập
- **Thu vào tuần sau**

Lưu ý: mặc dù mỗi sinh viên chỉ nộp 1 bài tập, sinh viên cần tự suy nghĩ về những bài tập còn lại vì đây là quá trình giúp rèn kỹ năng từng cá nhân

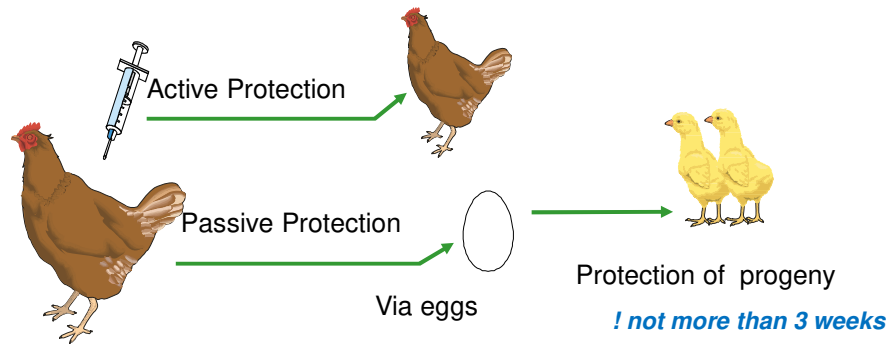


Trung bình ta đọc được bao nhiêu từ
trong 1 phút?

200

Bài tập 1. Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) về mục tiêu chủng ngừa
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có sử dụng hình ảnh

Aims of vaccination



But will not protect 100 % !!!

BT2: chuyển đoạn văn thành cụm từ hoặc hình ảnh minh họa trên 1 slide
Mục tiêu: rèn kỹ năng chọn lọc, tổng hợp, minh họa thông tin quan trọng

Chăn nuôi gia cầm ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp với qui mô lớn, mật độ nuôi cao. Gắn liền với phương thức chăn nuôi như hiện nay là việc phát sinh một số bệnh. Trong đó, viêm phế quản truyền nhiễm (*Infectious bronchitis*, IB) là một trong những bệnh gây thiệt hại kinh tế lớn cho người chăn nuôi. Đây là bệnh truyền nhiễm cấp tính, tốc độ lây lan cao, xảy ra hầu hết các nước có chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghiệp trên thế giới. Tỷ lệ bệnh có thể lên đến 80% tổng đàn mặc dù tỷ lệ chết thấp 20% (Gelb và ctv, 1991). Trên gà thịt, bệnh không những làm giảm tăng trọng, tăng hệ số tiêu tốn thức ăn và chi phí thuốc thú y mà còn tạo điều kiện cho các bệnh khác phát triển. Hơn nữa, nếu bệnh xảy ra trên gà đẻ sản lượng trứng cũng như chất lượng trứng sẽ giảm. Tỷ lệ đẻ giảm có thể lên tới 50% và sau đó khả năng phục hồi không hoàn toàn chỉ đạt 70-80% so với ban đầu (Bộ môn vi sinh truyền nhiễm, 2008). Vì vậy, bệnh ảnh hưởng rất lớn hiệu quả trong chăn nuôi gia cầm.

Bài tập 3. Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) về nguồn nhiễm mầm bệnh

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có sử dụng hình ảnh



**Sources of
contamination**



Bài tập 4. Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) về nhiệt độ và diện tích tối ưu

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng số liệu

Optimum temperature and space for chick

Age (day)	Temp. (°C)	Space (head/m ²)
1-3	35-33	70-90
4 - 6	33-31	50-60
7 - 10	32-30	20-30
11 - 14	31-29	15-20
15 or more	28	8 - 10

BT5: Chuyển đoạn văn thành sơ đồ trên 1 slide**Mục tiêu: chọn lọc thông tin và chuyển thành sơ đồ phù hợp**

Mẫu trên quày thịt ở lò mổ được lấy bằng cách dùng tăm bông vô trùng quét lên bề mặt quày thịt (8 vị trí: 5 vị trí bên ngoài là nong, nách, đùi, lưng, mông và 3 vị trí bên trong là vùng nong, thăn, bẹn), cho tăm bông vào môi trường LTB (Lauryl sulfate Tryptose Broth), bảo quản ở 4°C và đưa về phòng thí nghiệm, ủ ở 37°C/18 – 24 giờ. Chọn ống LTB dương tính (môi trường chuyển sang đục), cấy chuyển (một vòng canh khuẩn) sang môi trường EC (Enrichment coli broth) có chứa ống Durham, ủ ở 44,5°C/18 – 24. Lấy một vòng canh khuẩn từ ống EC dương tính (môi trường đục và có sinh hơi trong ống Durham) cấy ria lên trên môi trường EMB (Eosin Methylene Blue agar), ủ ở 37°C/18 – 24 giờ. Chọn từ 1 – 3 khuẩn lạc nghi ngờ trên EMB (tím ánh kim) cấy chuyển vào môi trường NA, sau đó thử phản ứng sinh hóa IMViC (Indol, Methyl Red, Voges-Proskauer và Citrate). Vi khuẩn *E. coli* có kết quả IMViC lần lượt là +/-, +, -, - (TCVN 5155 – 1990; Tô Minh Châu và Trần Thị Bích Liên, 2001).

Bài tập 6. Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) để giải thích tại sao cần soi trứng 3 lần

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có hình ảnh



BT7. Hãy chuyển thành sơ đồ thích hợp trên 1 slide để diễn tả biến động nhiệt độ giữa các thời điểm và các ngày trong một trại heo

Mục tiêu: rèn kỹ năng phân tích và tạo sơ đồ nhằm minh họa cho 1 thông điệp

ngày	nhiệt độ		
	sáng	trưa	chiều
28/05/2009	29,3	34	30
29/05/2009	29,5	33,2	30,4
30/05/2009	30,1	34,5	29,4
31/05/2009	29,5	34,6	31,4
01/06/2009	29,3	35,1	31,2
02/06/2009	29,1	34,6	31,8
03/06/2009	29,9	34,8	31,7
04/06/2009	28,3	34	31,2
05/06/2009	30	34	32,5
06/06/2009	30	35	32
07/06/2009	27,3	33,9	31,8
08/06/2009	29,7	33,8	31,1
09/06/2009	28,9	33,7	31,2
10/06/2009	29,8	35	30
11/06/2009	31,2	34,9	30,4
12/06/2009	28,6	33,6	30,5
13/06/2009	29,2	34,8	32
14/06/2009	30,1	33,4	30,1
15/06/2009	28,5	34,3	32
16/06/2009	28,3	35,1	31,6
17/06/2009	30,1	34,6	32
18/06/2009	27,6	34,2	31,2
19/06/2009	28,3	33,75	31,2
20/06/2009	28,6	33,6	30,6
21/06/2009	28,9	33,6	30,2
22/06/2002	29,1	34,2	31,1
23/06/2009	29,1	33,4	30,9
24/06/2009	28,5	33,7	30,8
25/06/2009	29,7	33,8	31,1

26/06/2009	28,9	33,7	31,2
27/06/2009	29,8	34,6	30
28/06/2009	31,2	34,6	30,4
29/06/2009	28,6	33,6	30,5
30/06/2009	29,2	34,8	32
01/07/2009	30,1	33,4	30,1
02/07/2009	28,5	34,3	32
03/07/2009	28,3	34,2	31,6
04/07/2009	30,1	34,6	32
05/07/2009	27,6	34,2	31,2
06/07/2009	28,3	33,7	31,2
07/07/2009	28,6	33,6	30,6
08/07/2009	28,9	33,6	30,2
09/07/2009	29,1	34,2	31,1
10/07/2009	29,1	33,4	30,9
11/07/2009	28,5	33,7	30,8
12/07/2009	29,8	33,4	30,4
13/07/2009	27,4	33	31,2
14/07/2009	26,9	33,6	30,8
15/07/2009	26,7	34,4	30,4
16/07/2009	27,8	33,1	30,5
17/07/2009	27,6	34,6	31,1
18/07/2009	26,8	34,6	31,2
19/07/2009	28,7	32,8	31,4
20/07/2009	28,4	33,9	31,2
21/07/2009	28,1	33,7	30,8
22/07/2009	27,8	33,8	31,5
23/07/2009	26,4	34,5	30,7
24/07/2009	26,3	33,9	30,6
25/07/2009	30,1	34,7	30,4

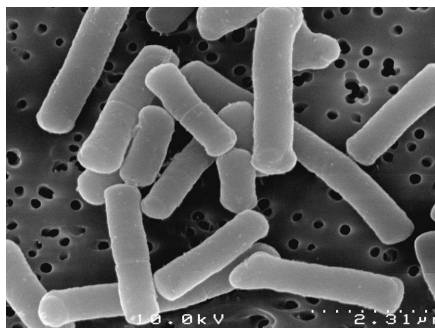
26/07/2009	29	33,9	30,5
27/07/2009	28,1	33,6	30,4
28/07/2009	28,9	32,7	31
29/07/2009	28,7	32,8	30,5
30/07/2009	27,6	32,5	29,6
31/07/2009	27,9	32,6	30,8
01/08/2009	26,8	32	30,7
02/08/2009	28,5	32,4	30,1
03/08/2009	28,9	32,7	31
04/08/2009	28,7	32,8	30,5
05/08/2009	27,6	32,5	29,6
06/08/2009	27,9	32,6	30,8
07/08/2009	26,8	32	30,7
08/08/2009	28,5	32,4	30,1
09/08/2009	27,6	32,1	30,2
10/08/2009	28,6	31,5	30,4
11/08/2009	28,8	32,4	30,5
12/08/2009	28,6	32,6	30,6
13/08/2009	28,7	31,5	30,7
14/08/2009	28,5	32,3	30,1
15/08/2009	28,9	32,8	30,3
16/08/2009	27,9	32,3	31
17/08/2009	27,8	32,8	31,2
18/08/2009	29	32,8	30,8
19/08/2009	28,7	32,7	30,4
20/08/2009	28,8	32,1	30,6
21/08/2009	28,9	32,8	30,8
22/08/2009	28,7	32,9	30,9
23/08/2009	27,7	32	30,1
24/08/2009	28	32,1	29,8

Bài tập 8. Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) định nghĩa probiotic

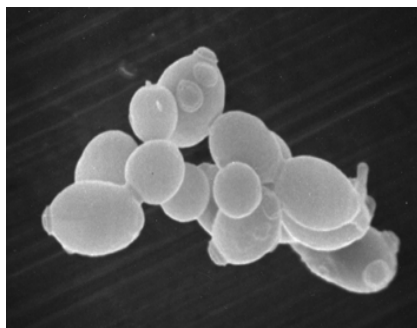
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có hình ảnh và từ khóa

FAO/WHO recommended definition: Probiotic

'Live microorganisms which when administered in adequate amounts confer a health benefit on the host'



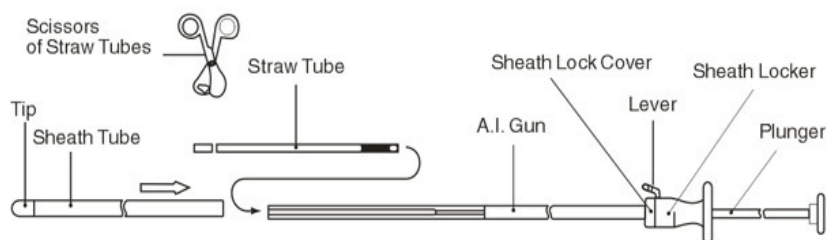
Lactobacillus acidophilus R0052



Saccharomyces cerevisiae boulardii CNCM I-1079

Bài tập 9: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) trong các khâu đưa tinh vào ống dẫn tinh
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

Technical Data & Functional Detail



Bài tập 10: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide (tối đa 250 từ) về tốc độ chảy của nước qua núm uống cho heo
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

Bảng hướng dẫn về tốc độ dòng chảy qua núm uống

Loại heo	Tốc độ dòng chảy qua núm (L/phút)
Heo con theo mẹ	0,3
Heo cai sữa (7 – 25kg)	1
Heo choai (25 – 50kg)	1,4
Heo trưởng thành (50 – 100kg)	1,7
Heo nái chửa	2
Heo nái nuôi con	2

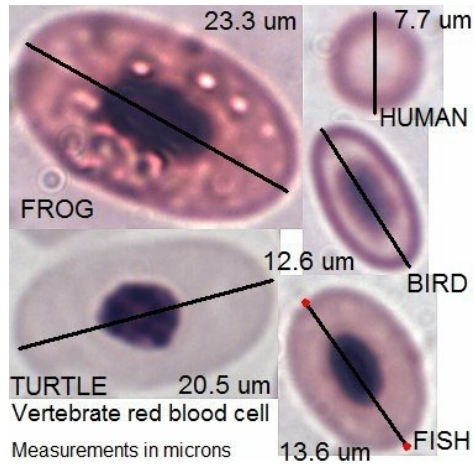
Bài tập 11: So sánh (tối đa 250 từ) về hồng cầu của một số loài

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

Kích thước tế bào

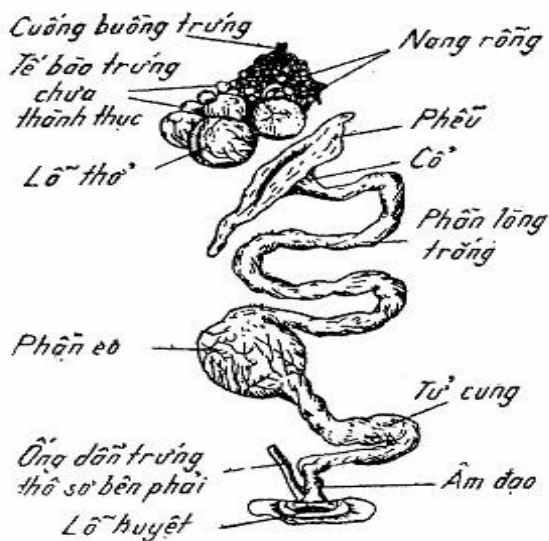
Ảnh hưởng đến kích thước tế bào:

- Loài
- Tuổi
- Mức độ tiến hóa loài



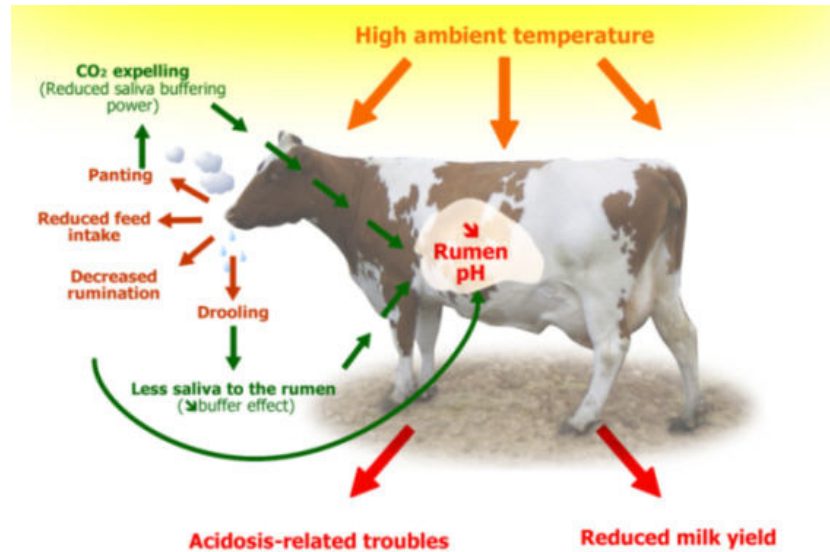
Bài tập 12: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) về quá trình trứng được tạo ra từ đường sinh dục gà

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh và bảng

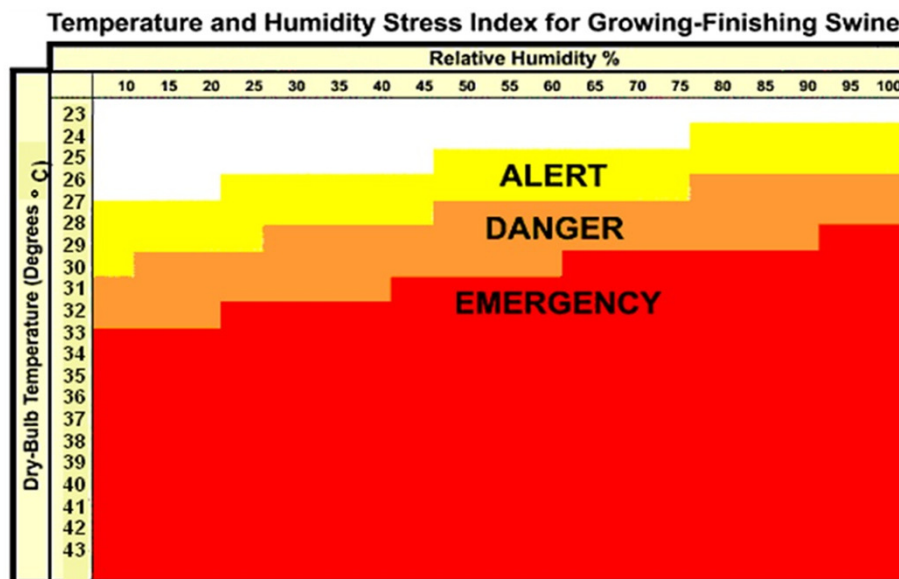


Đường sinh dục	Phần thêm vào	Thời gian
Buồng trứng		7-11 ngày
Ống dẫn trứng	Lòng đỏ	24-25 giờ
Phễu	Thụ tinh	15 phút
Phân rộng	Lòng trắng đặc	3 giờ
Phân eo	Màng vỏ	1,5 giờ
Tử cung	Nước, vỏ, sắc tố vỏ	19-20 giờ
Âm đạo	Đẻ trứng	1-10 phút

Bài tập 13: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) cho 1 slide về cơ chế tác động của stress nhiệt đến sản xuất sữa
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh



Bài tập 14: Hãy giới thiệu (viết tối đa 250 từ) về mối tương quan giữa nhiệt và ẩm độ trong chăn nuôi
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh



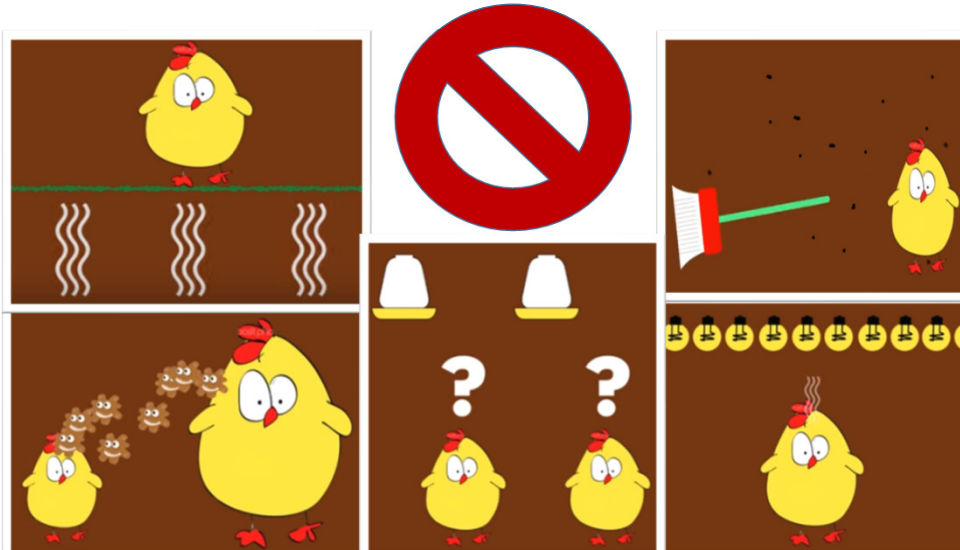
BT15. Trình bày kết quả dưới đây trong 1 slide với hình thức hiệu quả nhất của việc cung cấp thông tin

Mục tiêu: rèn kỹ năng phân tích và chọn lọc cách trình bày thông tin

Tăng trọng bình quân của heo con giai đoạn sơ sinh đến 25 ngày tuổi của lô thí nghiệm là 4,08kg/ con và lô đối chứng là 3,69 kg/ con. Sự khác biệt này có ý nghĩa về thống kê với $p < 0,01$

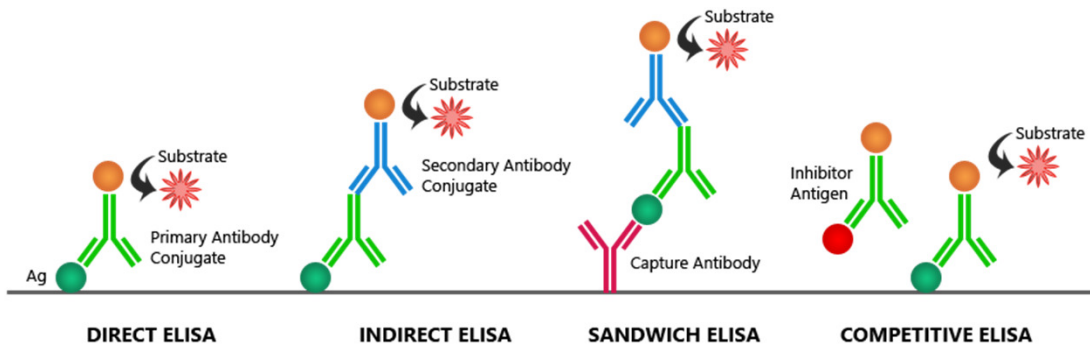
Bài tập 16: Trình bày các lỗi (tối đa 250 từ) thường gặp trong úm gà

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh và bảng



Bài tập 17: So sánh (tối đa 250 từ) các dạng ELISA như trong hình

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

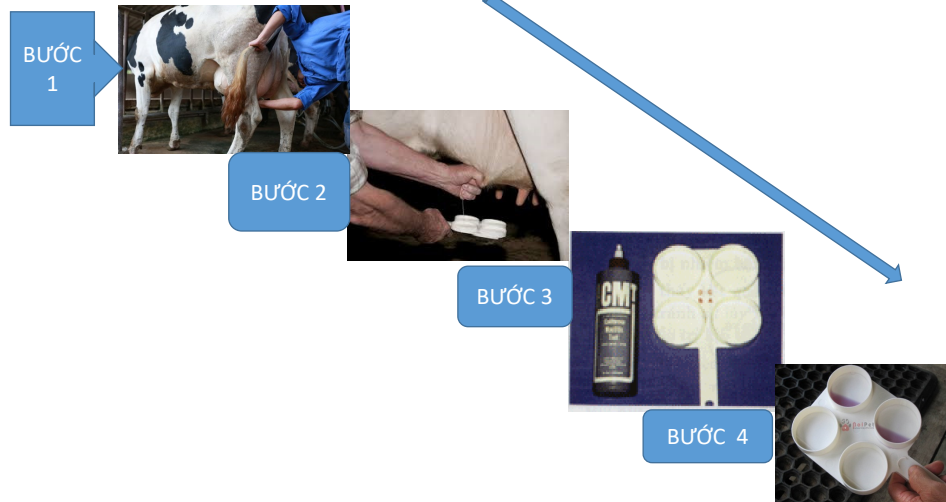


BT18. Trình bày thông tin dưới đây trong 1 slide với hình thức hiệu quả nhất
Mục tiêu: rèn kỹ năng phân tích và chọn lọc cách trình bày thông tin

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên một yếu tố, được chia thành 4 lô, mỗi lô có 25 con heo, lặp lại 2 lần. Trong đó, 4 nghiệm thức tương ứng với lô 1 bổ sung chế phẩm Alplucine Pig premix vào thức ăn với hàm lượng josamycin 36ppm, lô 2 bổ sung chế phẩm Pulmotil vào thức ăn với hàm lượng tilmicosin 200ppm, lô 3 bổ sung chế phẩm Tylan40 Sulfa-G vào thức ăn với hàm lượng tylosin 110ppm, lô 4 không sử dụng kháng sinh trộn trong thức ăn.

Bài tập 19: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) cho 1 slide trong quy trình thực hiện CMT
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

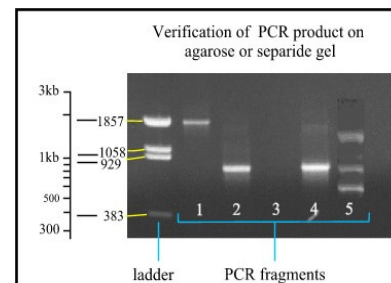
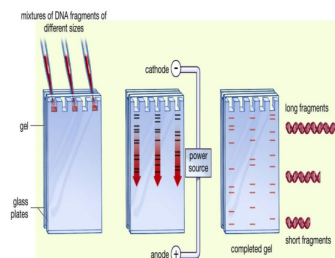
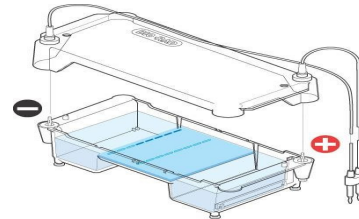
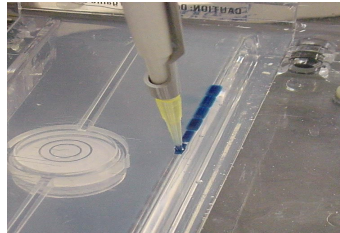
Phương pháp CMT (California Mastitis Test): sử dụng hoá chất phát hiện sự có mặt của bạch cầu.



BT 20. Trình bày quy trình chủng ngừa nái mang thai với hình thức hiệu quả nhất trên 1 slide
Mục tiêu: phân tích và trình bày thông tin trên 1 slide

- 5 tuần trước phối: Aujeszky's
- 4 tuần trước phối : Parvo, FMD, dịch tả
- 3 tuần trước phối : Aujeszky, Parvo
- 6 tuần trước đẻ: *E.coli*
- 5 tuần trước đẻ: FMD
- 4 tuần trước đẻ: Aujeszky
- 3 tuần trước đẻ: *E.coli*

Bài tập 21: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) cho slide quy trình kiểm tra sản phẩm PCR
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh



BT22: Dựa vào số liệu trong bảng, hãy vẽ biểu đồ trên 1 slide cho thấy khác biệt về tỉ lệ ngày con thờ bụng của các lô trong 2 giai đoạn

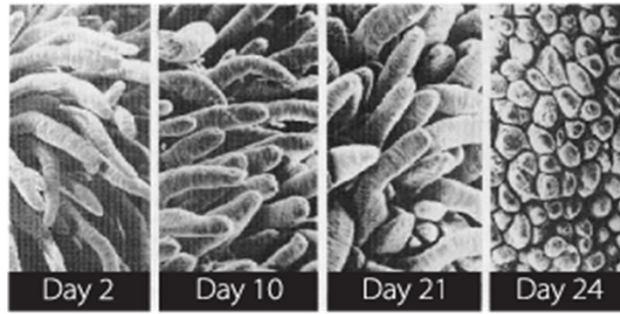
Mục tiêu: rèn kỹ năng phân tích số liệu, chọn lọc và tạo biểu đồ phù hợp

Giai đoạn	Chỉ tiêu (%)	Thí nghiệm					P
		Lô 1	Lô 2	Lô 3	Lô 4	Lô ĐC	
Sau cai sữa (28-75 ngày)	TL ho	32,89 ^a	30,67 ^{ab}	29,33 ^a	43,24 ^{ab}	53,33 ^b	= 0,01
	TL ngày con ho	4,92 ^a	4,46 ^a	5,8 ^{ab}	6,15 ^{bc}	7,11 ^c	<0,001
	TL thờ bụng	9,21 ^a	20,00 ^{ab}	2,67 ^{ac}	16,22 ^{ab}	25,33 ^b	=0,001
	TL ngày con thờ bụng	1,02 ^a	3,93 ^b	0,44 ^c	2,47 ^d	5,28 ^e	<0,001
	TL ho + thờ bụng	5,26 ^a	10,67 ^{ab}	1,33 ^{ac}	9,46 ^{ab}	17,33 ^b	=0,009
	TL ngày con ho + thờ bụng	0,84 ^a	1,99 ^{bd}	0,12 ^c	1,78 ^b	2,72 ^d	<0,001
Heo thịt (75-150 ngày)	TL ho	47,95 ^a	66,20 ^{bc}	36,99 ^a	52,86 ^{ab}	76,47 ^c	<0,001
	TL ngày con ho	7,94 ^a	15,29 ^b	8,45 ^a	11,05 ^c	15,91 ^b	<0,001
	TL thờ bụng	15,07 ^a	26,76 ^{ab}	8,22 ^{ac}	22,86 ^{ab}	38,24 ^b	<0,001
	TL ngày con thờ bụng	2,61 ^a	4,42 ^b	2,13 ^a	3,68 ^b	7,26 ^c	<0,001
	TL ho + thờ bụng	10,96 ^a	16,90 ^{ab}	5,48 ^{ac}	14,29 ^{ac}	27,94 ^b	=0,004
	TL ngày con ho + thờ bụng	1,32 ^a	4,97 ^b	1,27 ^a	3,56 ^c	6,15 ^d	<0,001

Bài tập 23: Thảo luận (tối đa 250 từ) về biến đổi hình thái long nhung ruột heo

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh

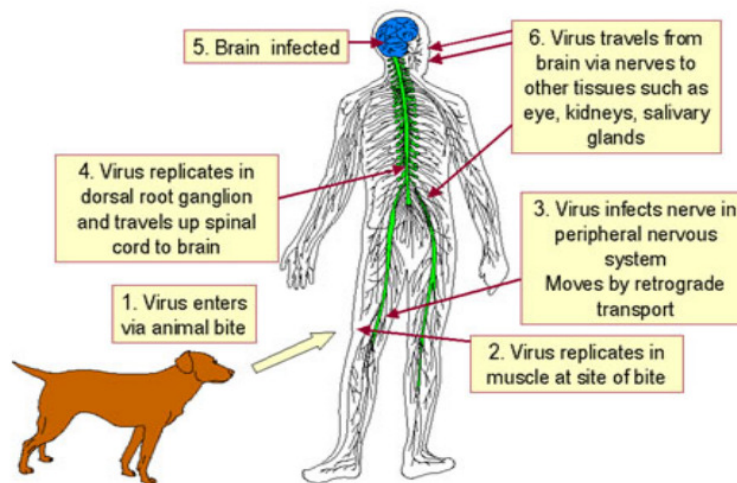
Figure 2
Villus scan of jejunum intestinal morphology (pigs weaned on d 21)



Healthy villi pre-weaning (left 3 images) and blunted villi 3 days post-weaning (right image).

(Cera et al., 1998)

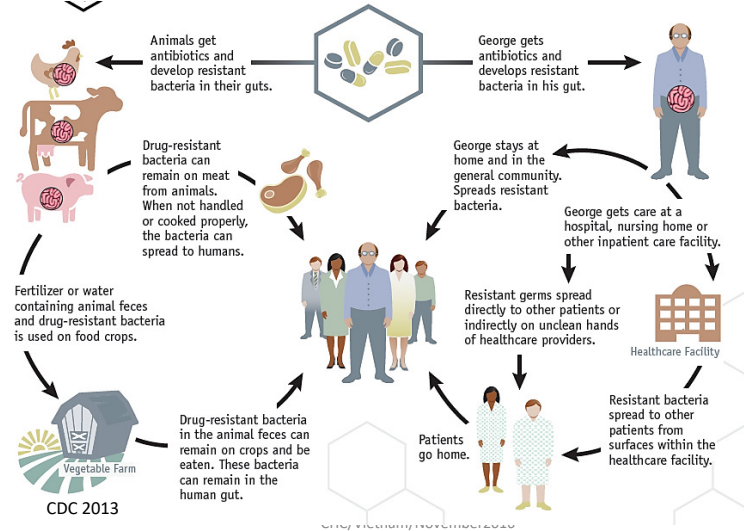
Bài tập 24: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) cho slide cơ chế gây bệnh của virus dại
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích hình ảnh



Sơ đồ cách gây bệnh của Rabies virus

Bài tập 25: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) để giải thích sự kháng thuốc lan rộng như thế nào
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích sơ đồ

Sự kháng thuốc lan rộng như thế nào ?



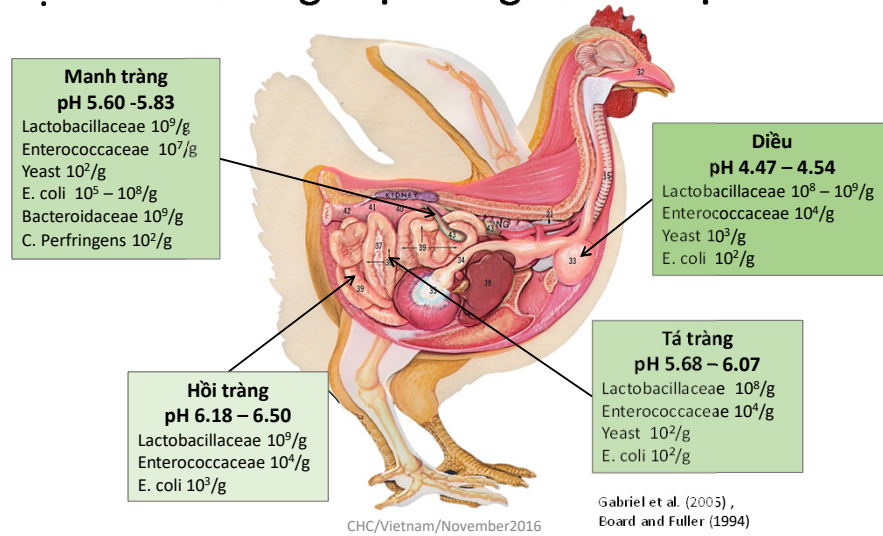
29

BT26. Hãy tìm 1 ví dụ số liệu trong chăn nuôi/ thú y/ thức ăn có biểu đồ điểm phân tán và trình bày trên 1 slide

Mục tiêu: rèn kỹ năng tìm thông tin, đọc hiểu và trình bày

Bài tập 27: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) để trình bày hệ vi sinh đường ruột ở gà khỏe mạnh
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích hình ảnh

Hệ vi sinh đường ruột của gà khỏe mạnh



31

BT28. Hãy tìm 1 ví dụ số liệu trong chăn nuôi/ thú y/ thức ăn có biểu đồ đường liên tục và trình bày *trên 1 slide*

Mục tiêu: rèn kỹ năng tìm thông tin, đọc hiểu và trình bày

Bài tập 29: Sửa lại slide dưới đây để đúng nguyên tắc *thiết kế 1 slide* báo cáo

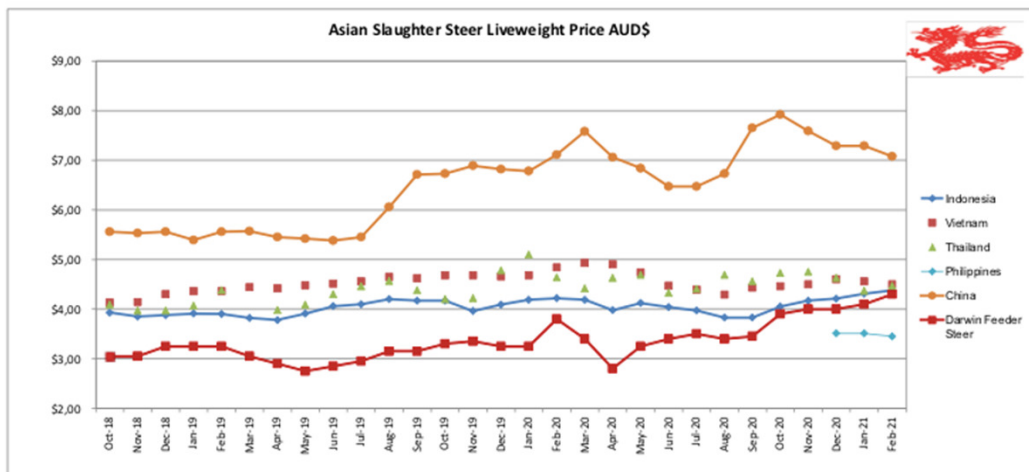
Mục tiêu: rèn kỹ năng xây dựng 1 slide trong báo cáo

b. Đối với heo bệnh:

- ✓ Phải có một chuồng riêng giành cho heo bị bệnh.
- ✓ Mỗi khi heo đã chuyển đến chuồng heo bệnh, phải được nuôi giữ tại đây đến khi xuất bán.
- ✓ Đốt và chôn heo chết là biện pháp bắt buộc để giảm thiểu sự lây lan bệnh tật như bệnh lở mồm long móng, dịch tả heo, tụ huyết trùng... Những nơi có heo chết phải thường xuyên rắc vôi bột. Vệ sinh, sát trùng khu vực có liên quan.

Bài tập 30: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về Giá trọng lượng hơi bò thiến trưởng thành tại Châu Á (đô la Úc)

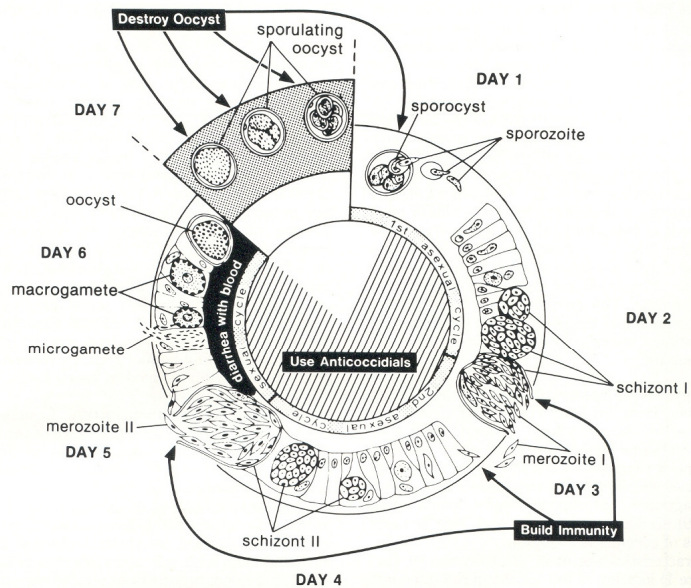
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có biểu đồ đường



Giá trọng lượng hơi bò thiến trưởng thành tại Châu Á, đô la Úc

Bài tập 31: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) về vòng đời của cầu trùng *E. tenella*

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích hình ảnh

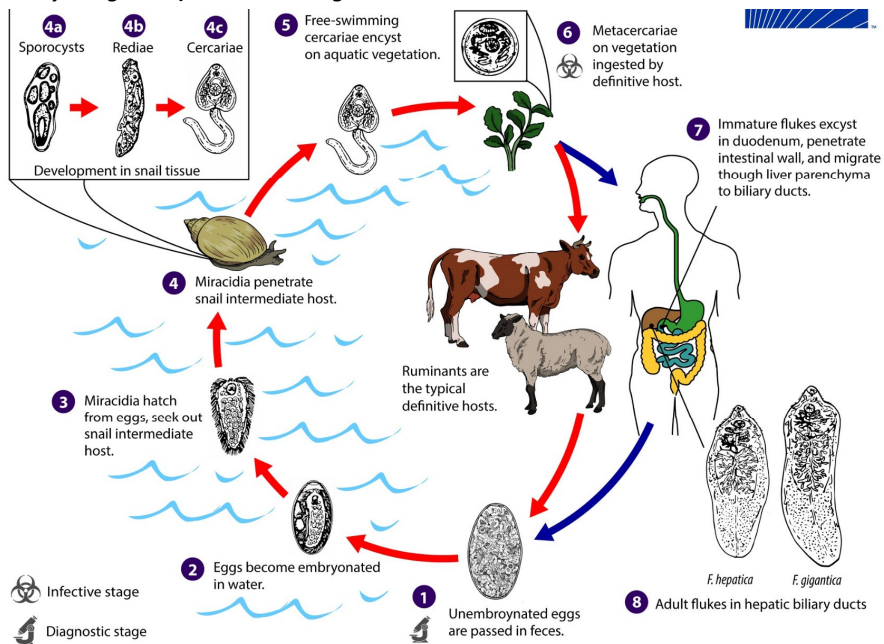


33.2. The 7-day life cycle of *E. tenella* includes two or more asexual and one sexual cycle during the 6 days after an oocyst has been swallowed by the host. The new generation of oocysts must sporulate (day 7) after being passed by the host before becoming infective.

Source: Calnek (1991)

Bài tập 32: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) về vòng đời của *Fasciola hepatica*

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích hình ảnh



Bài tập 33: Sửa lại slide còn quá nhiều chữ dưới đây để đúng nguyên tắc *thiết kế 1 slide* báo cáo
Mục tiêu: rèn kỹ năng xây dựng 1 slide trong báo cáo

- Vệ sinh

Quét dọn phòng ở mỗi ngày để dọn lông và khử trùng một tuần 1 lần trên đồ chơi, dụng cụ hỗ trợ, lồng nuôi của mèo.

Đặc biệt lưu ý các góc khuất và chỗ tối mà mèo hay tới nếu vệ sinh không kỹ sẽ dẫn tới phát triển các mầm bệnh. Thường xuyên giặt sạch sẽ các đệm dành cho mèo ở các góc khuất.



BT34. Với mục đích đánh giá hoạt tính kháng khuẩn florfenicol với các vi khuẩn gây bệnh hô hấp và so sánh với các kháng sinh khác, hãy viết 1 đoạn (tối đa 250 từ) nhận xét bảng
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần nói về một bảng số liệu

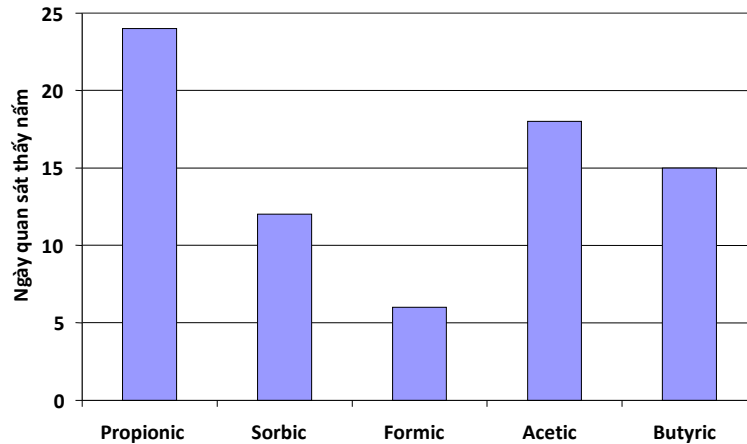
Bảng 1: Độ mẫn cảm kháng sinh của các chủng vi khuẩn

Kháng sinh	Hàm lượng (µg)	Nguồn phân lập và độ nhạy cảm (%)			
		Heo		Bò	
		<i>A.pleuropneumoniae</i>	<i>P.multocida</i>	<i>B.bronchiseptica</i>	<i>M.haemolytica</i>
Florfenicol	30	100 (81/81) ^a	100 (50/50)	98,6 (69/70)	100 (42/42)
Enrofloxacin	5	96.3 (78/81)	78.0 (39/50)	1.4 (1/70)	81.0 (34/42)
Ceftiofur	30	95.1 (77/81)	70.0 (35/50)	1.4 (1/70)	90.5 (38/42)
Tylosin	30	87.7 (71/81)	64.0 (32/50)	67.1 (47/70)	38.1 (16/42)
Ampicillin	10	71.6 (58/81)	54.0 (27/50)	0 (0/70)	59.5 (25/42)
Chloramphenicol	30	95.1 (77/81)	90.0 (45/50)	70.0 (49/70)	81.0 (34/42)
Sulfamethoxazole Trimethoprim	23.75	82.8 (67/81)	30.6 (18/50)	0 (0/70)	64.3 (27/42)
Nalidixic acid	30	85.5 (68/81)	50.0 (25/50)	40.0 (28/70)	90.0 (29/42)

a: số dòng vk nhạy cảm/ts dòng thử nghiệm

BT35. Hãy nhận xét (tối đa 250 từ) về ảnh hưởng của các acid hữu cơ khác nhau (1.4 kg/t) đối với sự phát triển của nấm mốc trong thức ăn dựa vào biểu đồ sau

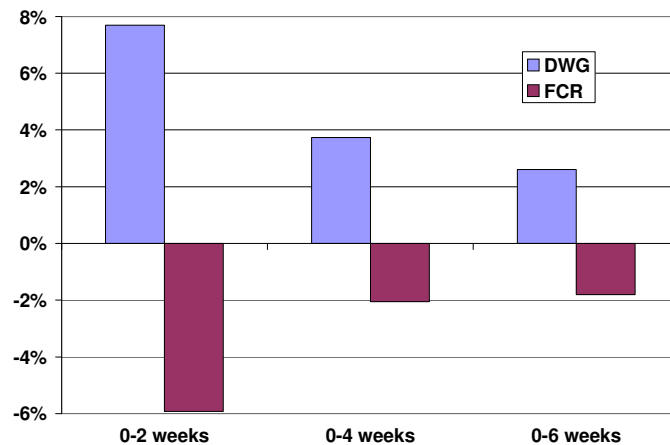
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một biểu đồ cột



Thức ăn cho gà, ẩm độ 13%, 30°C, ẩm độ môi trường 95%

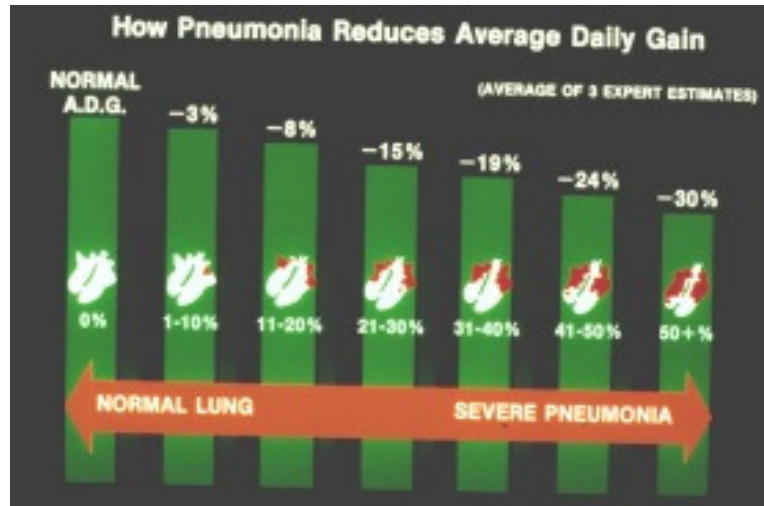
BT36. Thảo luận (tối đa 250 từ) về kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung acid lactic trong thức ăn gà thịt đến tăng trọng bình quân ngày (DWG) và chỉ số chuyển hóa thức ăn (FCR)

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một biểu đồ cột theo 2 chiều



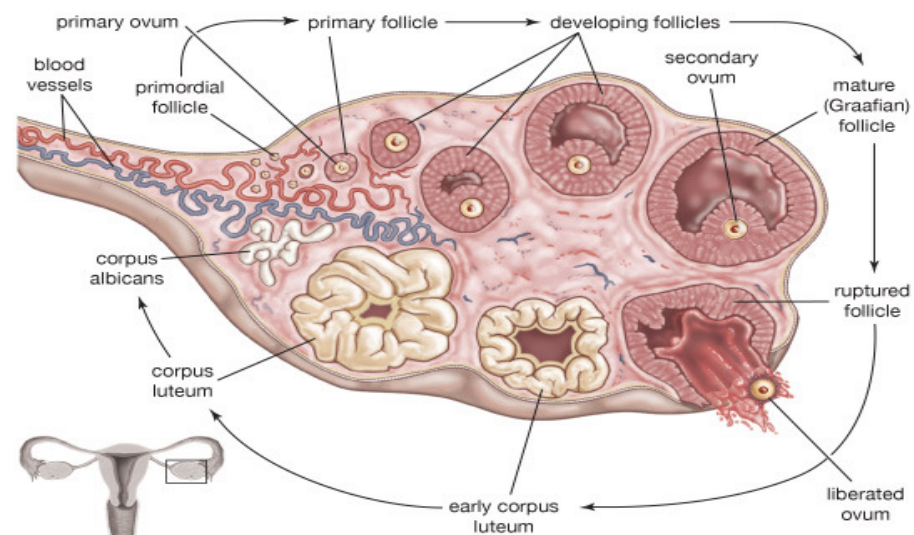
BT37. Thảo luận (tối đa 250 từ) về ảnh hưởng của viêm phổi đến tăng trọng bình quân ngày (ADG)

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một biểu đồ cột



Bài tập 38: Trình bày bằng lời nói (tối đa 250 từ) về các giai đoạn phát triển của noãn

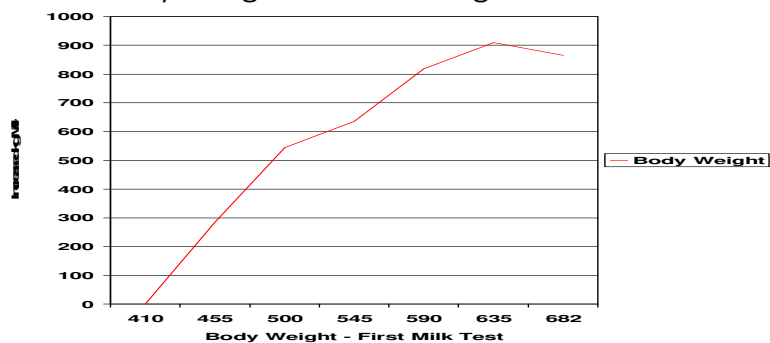
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một tiến trình có sử dụng hình ảnh



Bài tập 39: : Hãy thảo luận về mối tương quan giữa khối lượng cơ thể bò sau khi sinh bê đầu tiên và lượng sữa tăng trong 1 chu kỳ sữa

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một biểu đồ đường

Body Weight After Calving vs. Milk Production



Bài tập 40: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về tốc độ chảy của nước qua núm uống cho heo
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một bảng số liệu

Bảng hướng dẫn về tốc độ dòng chảy qua núm uống

Loại heo	Tốc độ dòng chảy qua núm (lit/phút)
Heo con theo mẹ	0,3
Heo cai sữa (7 – 25kg)	1
Heo choai (25 – 50kg)	1,4
Heo trưởng thành (50 – 100kg)	1,7
Heo nái chữa	2
Heo nái nuôi con	2

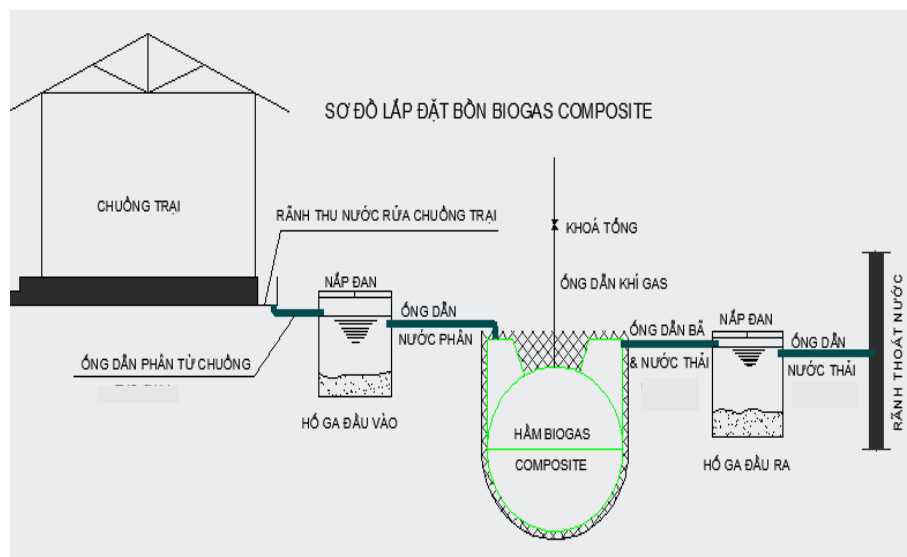
Bài tập 41: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về tiêu khí hậu chuồng nuôi cho nái mang thai
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng và hình ảnh

Tiêu khí hậu chuồng nuôi nái mang thai

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn	Đơn vị
1	Nhiệt độ	26-28	°C
2	Ẩm độ	65-75	%
3	Tốc độ gió	1-2	m/s
4	NH ₃ tối đa	<10	ppm
5	H ₂ S tối đa	<5	ppm



Bài tập 42: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về nguyên lý hoạt động của hệ thống biogas composite
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có hình ảnh / sơ đồ



Bài tập 43: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về phản ứng của heo khi nhiệt độ môi trường tăng
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng dữ liệu

Table 1 – Summary of the pigs’ reaction to increasing temperatures.

Condition	Pig behaviour	Air temperature
Overheated > 180 breaths/min	<ul style="list-style-type: none"> - Dramatic rise in body temperature - High gut permeability - Increased passage of endotoxins and pathogens - Death 	34°C
Hot 50-180 breaths/min	<ul style="list-style-type: none"> - Spread out - Lower feed intake - Increased floor contact - Increased body temperature - Increased splashing, fouling 	30°C 27°C
Comfortable 20-30 breaths/min	<ul style="list-style-type: none"> - Normal behaviour 	23°C 18°C

Source: Biomin.

5

Bài tập 44: sửa lại cách trình bày tài liệu tham khảo trong slide dưới đây cho đúng quy định của Khoa CNTY
Mục tiêu: rèn kỹ năng liệt kê tài liệu tham khảo đúng định dạng

Tài liệu tham khảo



<https://channuoivietnam.com/ky-thuat-nuoi-ong-hieu-qua-2/>

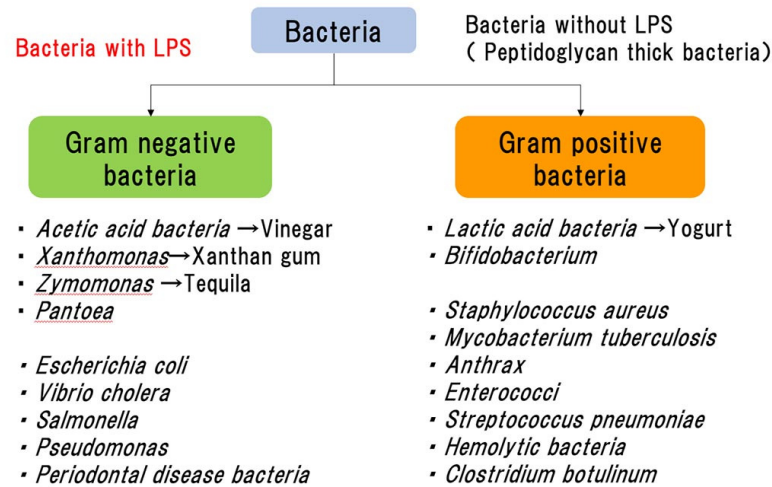
<https://hocnuoiongdu.com/cach-nuoi-ong/>

<http://hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1074/92561/de-nuoi-ong-mat-hieu-qua-cao-phai-bat-dau-tu-con-giong-tot>

<http://nhachannuoi.vn/ky-thuat-nuoi-ong-hieu-qua/>

48

Bài tập 45: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về phân loại vi khuẩn dựa vào LPS
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có sơ đồ



Bài tập 46: Sửa lại slide còn quá nhiều chữ dưới đây để đúng nguyên tắc **thiết kế 1 slide báo cáo**
Mục tiêu: rèn kỹ năng xây dựng 1 slide trong báo cáo

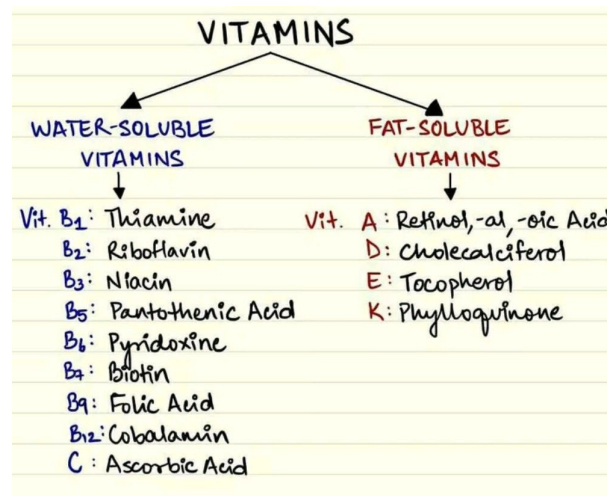
TỎI

- Cây thảo sống hàng năm, cao 30 – 40 cm. Thân hành ngắn, hình tháp gồm nhiều hành con gọi là ánh tỏi, to nhỏ không đều, xếp ép vào nhau quanh mỗi trục lõi, vỏ ngoài của thân hành mỏng, màu trắng hoặc hơi hồng.
- Lá phẳng và hẹp, hình dài, mỏng, bẹ to và dài có rãnh dọc, đầu nhọn hoắt, gân song song, hai mặt nhẵn.
- Cụm hoa mọc ở ngọn thành đầu tròn, bao bọc bởi những lá mo có mũi nhọn rất dài; hoa màu trắng hay hồng có cuống hình sợi dài; bao gồm 6 phiến hình mũi mác, xếp thành hai hàng, thuôn; nhị 6, chỉ nhị có cựa dài, dính vào các mảnh bao hoa; bầu gân hình cầu. Quả nang.

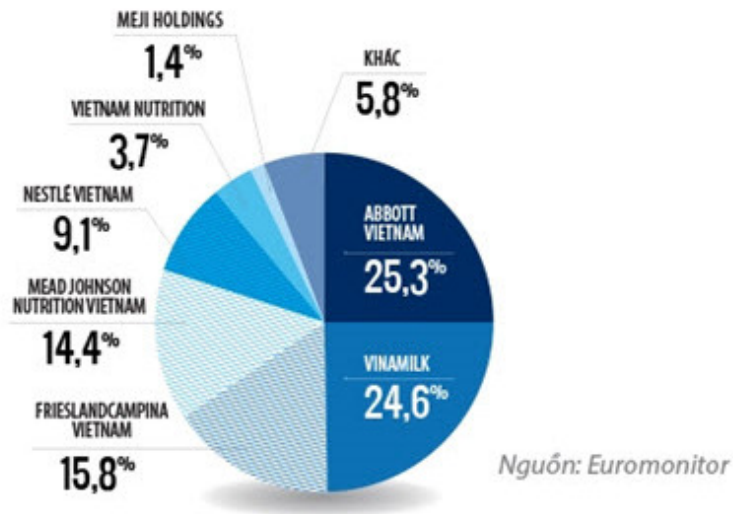
BT47. Hãy tìm 1 ví dụ số liệu trong chăn nuôi/ thú y/ thức ăn có biểu đồ histogram và trình bày trên 1 slide

Mục tiêu: rèn kỹ năng tìm thông tin, đọc hiểu và trình bày

Bài tập 48: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về phân loại các vitamin tan trong nước và tan trong dầu
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng dữ liệu



Bài tập 49: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về thị phần sữa bột của một số công ty tại Việt nam năm 2013
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có biểu đồ tròn



Bài tập 50: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về THI cho bò sữa
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng dữ liệu

Chỉ số nhiệt ẩm: (Temperature - Humidity Index, THI) – còn gọi chỉ số không thoải mái

$$THI = td - (0.55 - 0.55 \times RH) \times (td - 58)$$

≤ 71	72 -78	79-88	89- 98	>98
Không ảnh hưởng	Nhẹ	Nặng	Nghiêm trọng	Chết

		Temperature Humidity Index (THI)								
		Relative Humidity %								
C	20	30	40	50	60	70	80	90	100	
22	66	66	67	68	69	69	70	71	72	
24	68	69	70	70	71	72	73	74	75	
26	70	71	72	73	74	75	77	78	79	
28	72	73	74	76	77	78	80	81	82	
30	74	75	77	78	80	81	83	84	86	
32	76	77	79	81	83	84	86	88	90	
34	78	80	82	84	85	87	89	91	93	
36	80	82	84	86	88	90	93	95	97	
38	82	84	86	89	91	93	96	98	100	
40	84	86	89	91	94	96	99	101	104	

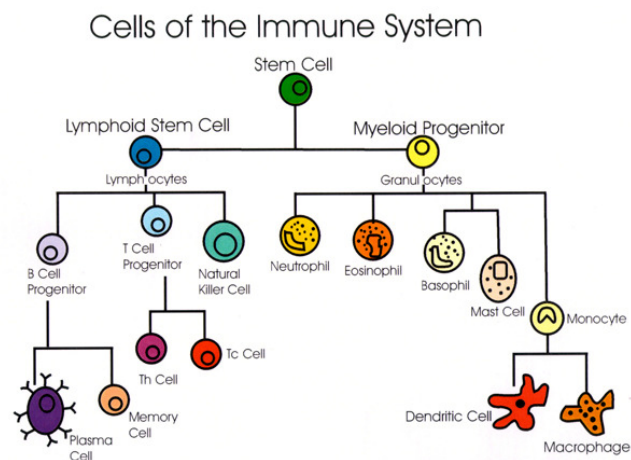
Ở bò sữa

- No heat stress
- Moderate heat stress
- Severe heat stress
- Dead cows

Bài tập 51: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về kim tiêm, vị trí tiêm tĩnh mạch cho các loài động vật
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng dữ liệu

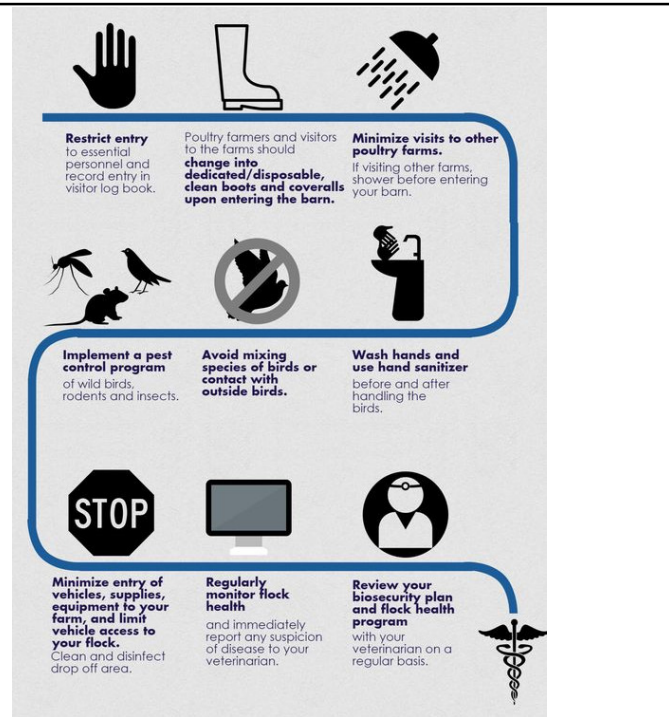
Species	Typical catheter/needle size	Usual (occasional) vein for injection
Mouse 20–25 g	25–27G × 5/8"	Tail
Rat 200 g	23G × 1"	Tail
Rabbit 2.5 kg	21G × 1"	Marginal ear
Dog 6 kg	21–25G up to 1"	Cephalic (saphenous)
Primate	21–25G up to 1"	Cephalic (saphenous)
Bird	21–25G × 1"	Brachial (jugular)
Waterfowl/pigeon	23–26G × 1"	Tarsal

Bài tập 52: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về các tế bào của hệ thống miễn dịch và chức năng của chúng
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có sơ đồ



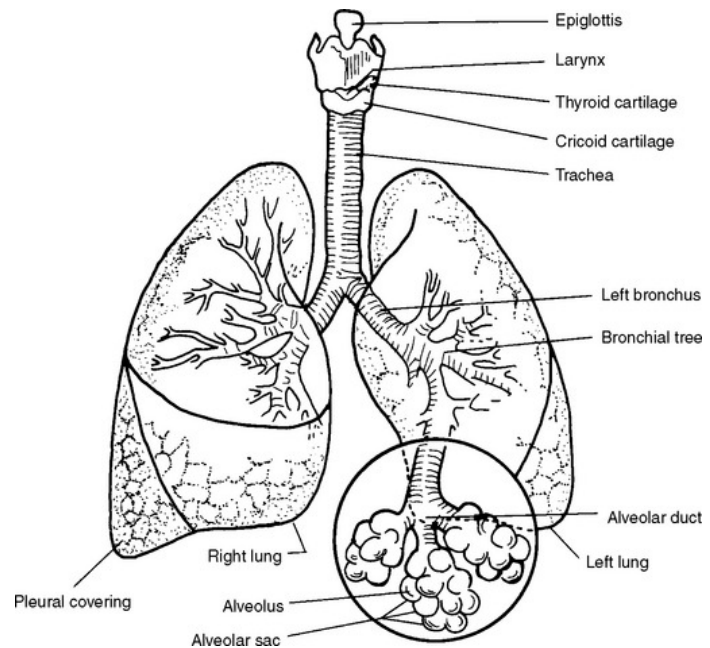
Bài tập 53: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về các bước thực hành an toàn sinh học của trại gà thương phẩm

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có sơ đồ

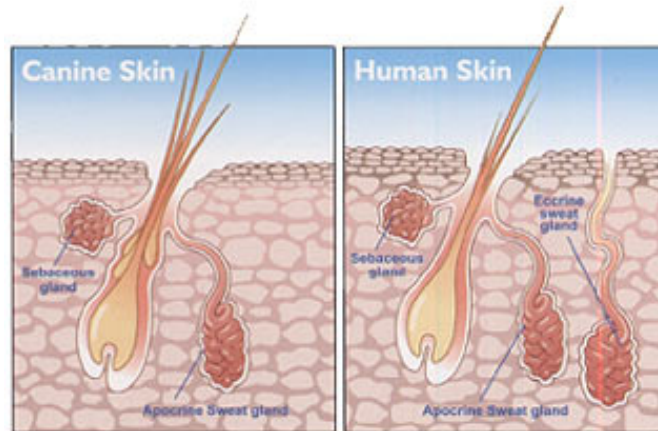


Bài tập 54: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về các phần trong đường hô hấp dưới của chó và chức năng của chúng

Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có hình ảnh



Bài tập 55: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide để so sánh sự khác biệt da người và da chó
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có hình ảnh

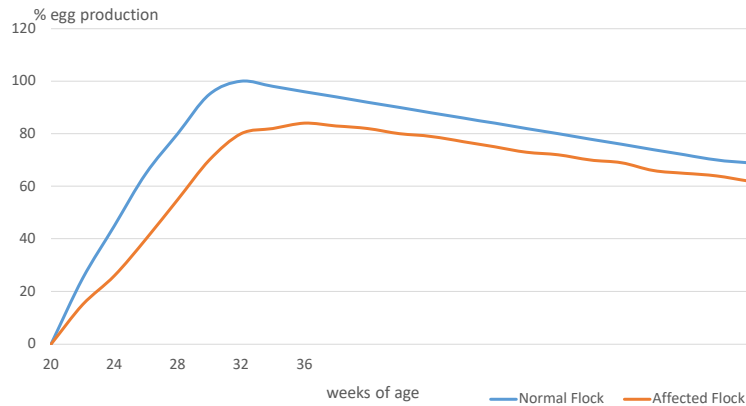


<https://www.vetwest.com.au/pet-library/skin-the-difference-between-canine-and-human-skin>

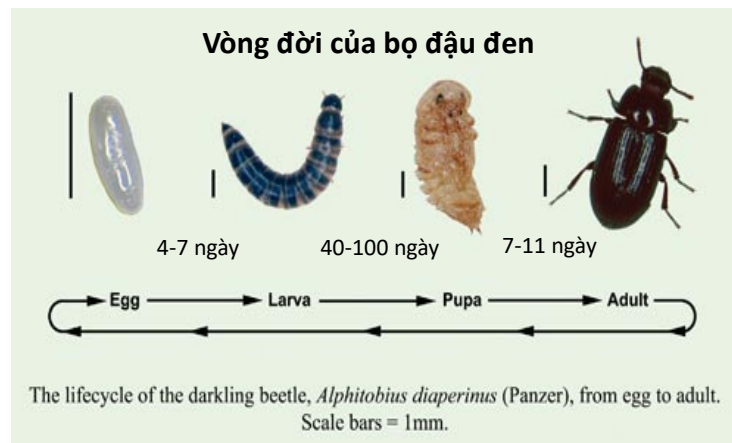
Bài tập 56: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide để so sánh các vi sinh vật
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có bảng dữ liệu

	Bacteria	Virus	Fungi	Protozoa	Mycoplasma
Cell wall	Yes	No	Yes	No	No
Obligate intracellular parasite	No	Yes	No	Some	No
DNA and RNA	Yes	No	Yes	Yes	Yes
Reproduction	Binary fission	Use host cell to replicate components and for assembly	Budding, and spores and extend hyphae	Varies	Binary fission
Drug used to treat	Antibacterial	Antiviral	Antifungal	Selective	Selective

Bài tập 57: Trình bày bằng lời nói cho 1 slide về tỉ lệ đẻ của đàn gà bình thường và đàn gà bị nhiễm IB
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một slide có biểu đồ đường

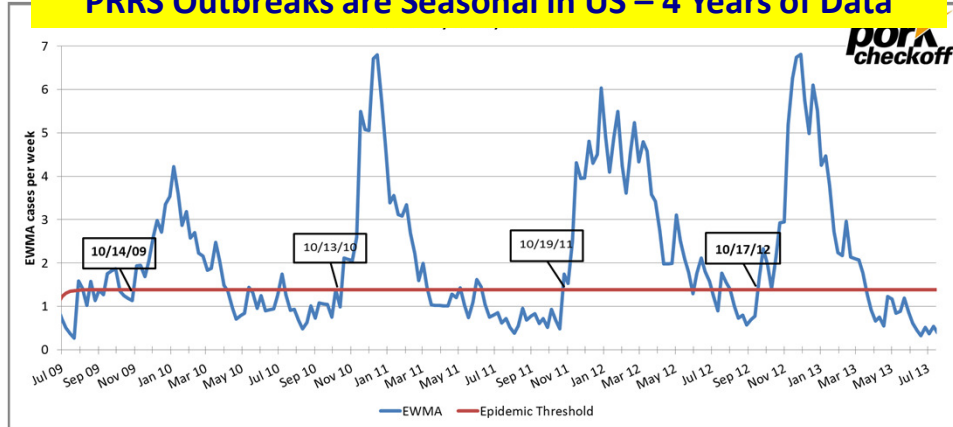


BT58. Trình bày vòng đời của bọ đậu đen (bằng lời văn trong 1 slide)
Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một vòng đời



BT59: Trình bày bằng lời nói về các trận dịch PRRS ở Mỹ
 Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần giải thích một biểu đồ đường

PRRS Outbreaks are Seasonal in US – 4 Years of Data



Know the annual pattern of PRRS outbreaks. Adjust management and biosecurity based on knowledge.

Bob Morrison and Steve
 Tousignant, Univ Minnesota

BT60: Trình bày bằng lời nói về cách đánh giá điểm thể trạng của bò
 Mục tiêu: rèn kỹ năng viết kịch bản khi cần hướng dẫn đánh giá thông qua hình ảnh



điểm 1

điểm 2

điểm 3

điểm 4

điểm 5